

Số: 409/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 463; Điều 465, Điều 466, Điều 468, của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 568/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, Tòa sailing Tower, số A P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Thu H – Cán bộ Ngân hàng

*** Bị đơn:** + **Anh Đặng Hữu A, sinh năm 1993**, CCCD: 001093048526, do Cục C QLHC về TTXH cấp ngày 21/06/2021

+ **Chị Phạm Thị L, sinh năm 1998**, CCCD: 036198007309, do Cục C QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2023

Cùng HKTT+ cư trú: Tập thể đại học H1, TDP A, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Theo Hợp đồng tín dụng số 106253602.24 ngày 28/11/2024 Ngân hàng TMCP Q và anh Đặng Hữu A và chị Phạm Thị L xác nhận: Tính đến ngày 10/4/2026 anh Đặng Hữu A và chị Phạm Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là: 419.085.162 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 416.656.000 đồng;
- Nợ lãi: 2.429.162 đồng;

Trong thời gian thực hiện HĐTD, anh A, chị L đã vi phạm nội dung thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, hiện khoản vay đang xếp loại nợ nhóm

2 là nợ chú ý theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N. Do đó, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu anh A, chị L thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên.

[2.2]. Anh A, chị L đồng ý thanh toán khoản nợ là: 441.789.010 đồng, trong đó: nợ gốc là: 437.492.000 đồng, nợ lãi là: 4.297.010 đồng; Thực hiện thanh toán toàn bộ và một lần ngay khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/4/2026, anh Đặng Hữu A và chị Phạm Thị L còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.3]. Trường hợp anh A, chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Q có quyền làm đơn đề nghị xử lý cơ quan thi hành có thẩm quyền tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VELOZ CROSS, biển kiểm soát: 30L – 828.05, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 120313 do Phòng C1, Công an thành phố H cấp ngày 28/11/2024 đứng tên anh Đặng Hữu A. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9807826.24 ngày 28/11/2024 giữa Ngân hàng TMCP Q và anh Đặng Hữu A và chị Phạm Thị L để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của anh Đặng Hữu A và chị Phạm Thị L với V1. Trường hợp nêu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì anh Đặng Hữu A

[2.4]. Về án phí: Anh A, chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 10.381.703 đồng. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền 10.835.780 đồng (Mười triệu tám trăm ba mươi năm nghìn bảy trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009112 ngày 14/04/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 - Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án + Văn phòng.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tuyết

